

Số: /BC-UBND

Nghĩa Đàn, ngày tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn giai đoạn 2016 đến nay**

Thực hiện Kế hoạch số 205/KH-HĐND.BDT ngày 22/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giám sát chuyên đề: “Việc thực hiện chương trình hỗ trợ, ứng dụng chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay”, UBND huyện Nghĩa Đàn báo cáo một số kết quả thực hiện được như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Nghĩa Đàn là huyện thuộc vùng trung du miền núi, nằm phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An, với diện tích hơn 61.000 ha, trong đó có diện tích lớn là đất đỏ bazan, có dân số hơn 14 vạn dân. Là địa bàn có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua: Đường Hồ Chí Minh; Quốc lộ 48, 48D, 48E, 15A, Đường nối Đông Hội - Nghĩa Đàn - thị xã Thái Hoà. Có các dự án lớn như Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp của Tập đoàn TH, Nhà máy Gõ Nghệ An... Huyện có 25 xã, thị trấn, với 313 khối, xóm; dân số toàn huyện 146.244 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 42.321 người, chiếm 29% dân số toàn huyện; với 23 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 1 thị trấn và 22 xã) và 189 xóm bản; có 15 xã khu vực I và 9 thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

#### **\* Quan điểm phát triển KT-XH.**

Trong những năm qua huyện Nghĩa Đàn luôn xác định quan điểm nhất quán trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện là: “ Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi

với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và nhà nước".

- Giai đoạn 2015- 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng với định hướng đúng đắn, sự đoàn kết, thống nhất cao của cấp ủy các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; sự đồng thuận của nhân dân cùng với sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An và các sở ban ngành cấp tỉnh nên các mục tiêu về KT- XH của vùng đồng bào DTTS và các xã miền núi đã bước đầu gặt hái được một số kết quả nhất định, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng bộ đề ra. Trong khoa học công nghệ đã có những chuyển biến tích cực; nhiều đề án, dự án được nhân rộng và phát huy hiệu quả cao; Đẩy mạnh triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp góp phần làm tăng năng suất, sản lượng, tăng chất lượng sản phẩm nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Góp phần nâng cao đời sống đồng bào. Thu hẹp khoảng cách thu nhập với mặt bằng chung của cả nước.

## **B. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.**

- Nhận thức được tầm quan trọng của Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025, UBND huyện đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025 và triển khai sâu rộng đến cơ sở để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hiểu rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng của Nghị Quyết.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo NQ: Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định phát triển khoa học công nghệ gắn với phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm xã hội hóa đầu tư cho khoa học công nghệ. Từng bước đưa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất của các hộ gia đình và các vùng có điều kiện thuận lợi về vốn, về kiến thức và kinh nghiệm sản xuất. Ngày 14/7/2016, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định ban hành Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ cao để phát triển nông nghiệp huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020” nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết: Hội đồng Khoa học và Công nghệ huyện đã được kiện toàn kịp thời, luôn đổi mới phương thức hoạt động để phù hợp xu thế phát triển chung và ngày càng khẳng định vai trò là cơ quan tư vấn giúp UBND huyện và tham gia góp ý kiến lựa chọn, quyết định các

phương án, dự án phù hợp điều kiện của địa phương. Hàng năm, tổ chức các hội thảo khoa học - công nghệ nhằm tìm giải pháp thiết thực đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ, công nghệ cao trên địa bàn.

- Việc thực hiện Nghị quyết số 06 - NQ/TU đã thực sự có ý nghĩa, vai trò quan trọng trên địa bàn huyện. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, kết quả nghiên cứu khoa học đã dần đi vào cuộc sống, từng bước khẳng định vai trò, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện và trong từng ngành, phục vụ đa mục tiêu: xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đang từng bước được kiện toàn, các cơ chế chính sách đối với khoa học công nghệ có bước đổi mới và hoàn thiện. Cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân ngày càng quan tâm hơn trong lãnh đạo chỉ đạo lồng ghép các chương trình dự án, các nguồn vốn để xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế. Một số đề tài khoa học được triển khai và áp dụng trong thực tiễn, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp đã đem lại hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương; Một số hộ gia đình xây dựng được các mô hình kinh tế cho thu nhập cao, bước đầu hình thành được các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoạt động hiệu quả.

## **2. Kết quả thực hiện.**

- Một số sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, khối lượng lớn và thương hiệu mạnh từ khoa học và công nghệ: trong những năm qua, việc đưa KHCN và công nghệ cao đã được ứng dụng rộng. Với sự hỗ trợ áp dụng các tiến bộ KH&CN vào phục vụ sản xuất và đời sống đã tạo ra những sản phẩm nông sản đặc trưng có thương hiệu như: Cam Vinh, Bơ Nghĩa Đàn, ổi Nghĩa Đàn, Mật mía làng Găng, Dầu sỏ, các sản phẩm của tập đoàn TH,

- Tình hình Ứng dụng và phát triển công nghệ cao tại đơn vị, địa phương: Xây dựng được nhiều mô hình ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến, chương trình “3 giảm, 3 tăng”, canh tác bền vững, phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM, sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGap. trong lai tạo, sản xuất giống cây trồng chất lượng cao, nâng cao trình độ thâm canh, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp, nhất là việc đưa các giống mới như giống lúa chịu hạn, kháng đạo ôn, kháng rầy nâu, giống lúa thơm chất lượng cao, ...

+ Trong lĩnh vực chăn nuôi, đã ứng dụng phương pháp bảo quản tinh dịch dài ngày, cải tiến được các quy trình công nghệ tạo phôi, cấy truyền phôi; chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà an toàn sinh học, thâm canh lúa thuần chất lượng cao theo hướng VietGAP. Việc ứng dụng KHCN trong ủ, chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm để tận dụng các phế phẩm nông nghiệp, giảm chi phí đầu vào; thu mua phân vi sinh cho bà con nhân dân;

Một số mô hình tiêu biểu như: Mô hình nuôi gà đẻ trứng bằng công nghệ nuôi chuồng lạnh của hộ gia đình ông Hoàng Xuân Anh (xã Nghĩa Sơn) với quy mô 6.000 con gà đẻ trứng, mỗi năm thu nhập trên 500 triệu đồng và Mô hình nuôi gà đẻ trứng của hộ gia đình ông Trần Xuân Sơn (xã Nghĩa Hưng) với quy mô 10.000 con gà đẻ trứng, thu nhập bình quân trên 700 triệu đồng; Mô hình nuôi lợn không bùn của hộ gia đình ông Lê Văn Hưng (xã Nghĩa Thọ) với quy mô 8 bể nuôi, 1.200 con giống hàng năm, cho thu nhập hàng năm 150 - 200 triệu đồng.

+ Trong lĩnh vực trồng trọt: Ứng dụng thành công nhiều biện pháp kỹ thuật như: kỹ thuật tưới nhỏ giọt theo công nghệ Israel kết hợp hệ thống điều khiển tưới tự động, theo dõi các chỉ số (độ ẩm, gió, lượng mưa, độ PH...), tưới phun mưa trên cây ăn quả, ...

\* Một số mô hình tiêu biểu như: Mô hình trồng mới cây cam, áp dụng khoa học công nghệ và công nghệ cao trong sản xuất cam, bơ và các loại cây ăn quả khác theo hướng VietGAP thực hiện tại Hợp tác xã Nông nghiệp cây ăn quả  $\frac{1}{5}$  với quy mô khoảng 27ha, dự kiến tổng thu khoảng 3,5 tỷ đồng/năm, tăng hiệu quả kinh tế của các hộ dân tham gia mô hình từ 15-20% so với trồng đại trà; Các Mô hình sản xuất ổi, theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích toàn huyện khoảng 160 ha trồng ổi, tập trung nhiều tại các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, tổng thu đạt 48 tỷ đồng/năm (ước tính 300-600 triệu đồng/ha/năm). Mô hình sản xuất ổi, theo tiêu chuẩn VietGAP khá thuận lợi, đầu ra ổn định giá cả đảm bảo. Riêng đối với Hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp 19.5 huyện Nghĩa Đàn trồng trên quy mô lớn tại với tổng diện tích 15 ha trên địa bàn 04 xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Sơn và Nghĩa Phú, Tăng hiệu quả kinh tế từ 15-20% so với trồng ổi đại trà, giảm số lần phun thuốc từ 1-3 lần. Tăng tỷ lệ chất lượng sản phẩm lên từ 10-20%, tổng thu đạt được 4,5-9 tỷ đồng/năm. Thị trường tiêu thụ tại địa bàn, nhập cho các siêu thị lớn tại thành phố Vinh, trên địa bàn toàn tỉnh và ngoại tỉnh

Trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng liên kết sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Mô hình trồng Ngô cho gia súc của HTX Cờ Đỏ Nghĩa Thịnh: Quy mô khoảng 70ha (thời gian 3 tháng/1 vụ) , mỗi năm 3 vụ, sản lượng mỗi năm 8.400 tấn, doanh thu khoảng 7,5 tỷ đồng/năm (*trung bình 108 triệu đồng/1 ha/1 năm*); Mô hình trồng dưa lưới công nghệ cao của HTX nông nghiệp công nghệ cao Hậu Nguyên (xã Nghĩa An): Diện tích nhà lưới khoảng 7.000m<sup>2</sup>/ sản lượng mỗi năm là 50,4 tấn sản phẩm/năm (mỗi năm trồng 3 vụ), doanh thu mỗi năm 2,5 tỷ đồng. Đồng thời hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn như: Vùng trồng cỏ, cây nguyên liệu cho thức ăn gia súc (Công ty cổ phần chuỗi thực phẩm sữa TH); vùng nguyên liệu mía (gần 8000 hata mía – Nhà máy đường Nghệ An); Vùng sản xuất rau, củ quả (143 ha); Vùng cây ăn quả (gần 1000 ha cam, 120 ha ổi, 75 ha bơ...)...

Coi trọng thu hút và triển khai các dự án ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ cao, chỉ đạo, hướng dẫn thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh

vực. Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp của Tập đoàn TH với việc sản xuất sữa tươi sạch đạt chuẩn organic quốc tế. Công ty đã áp dụng công nghệ hiện đại, đầu cuối của thế giới trong công tác chăn nuôi bò sữa tập trung với quy trình sản xuất khép kín “Từ đồng cỏ xanh đến ly sữa sạch”, máy móc, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Dự án sản xuất, rau củ quả của công ty CP sản xuất và cung ứng rau quả sạch quốc tế FVF với 18 sản phẩm rau, quả được công nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, theo đó, sử dụng màng phủ nông nghiệp, sản xuất trong nhà lưới, hạn chế sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật độc hại cao, sử dụng hệ thống tưới phun, thuốc trừ sâu sinh học.

Nhà máy Chế biến gỗ Nghệ An đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế đã được khánh thành và đi vào hoạt động, sử dụng công nghệ và thiết bị tốt nhất trên thế giới. Đó là thiết bị tạo hình, nén liên hồi của nhà cung cấp thiết bị gỗ ván ép hàng đầu thế giới Dieffenbacher (CHLB Đức); thiết bị công nghệ sản xuất ván sợi gỗ của Công ty Metso (Thụy Điển); công nghệ băm dăm, làm sạch và kho chứa băm dăm của Cty Hombak/CMC (CHLB Đức); công nghệ chà nhám sản phẩm của Cty Steinemann (CHLB Đức); công nghệ cắt sản phẩm theo kích thước cuối cùng của Cty Anthon (CHLB Đức). Với ưu thế sử dụng công nghệ hiện đại hàng đầu Âu nên các công đoạn chế biến gỗ hoàn toàn được tự động hóa từ khâu đầu vào nguyên liệu đến khâu hoàn thiện sản phẩm.

Nhà máy xử lý rác thải được Công ty CP Tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam xây dựng, có diện tích trên 3,1ha. Công suất xử lý giai đoạn 1 là 75tấn/ngày đêm. Sử dụng công nghệ đốt rác CNC của T-Tech được thiết kế tối đa tái chế các loại rác có khả năng tái sinh và đặc biệt tro xỉ sau quá trình đốt được xử lý thành gạch không nung. Lượng rác còn lại được tiêu hủy đến 95% khối lượng. Tổng mức đầu tư trên 60 tỷ đồng.

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước được đẩy mạnh. Ứng dụng phần mềm VNPT-Office và hệ thống thư điện tử công vụ để hỗ trợ quản lý, điều hành công tác chuyên môn, xây dựng chính quyền điện tử; triển khai dịch vụ công mức độ 2, 3 và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại tại bộ phận một cửa và một cửa liên thông của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn; đồng thời trao đổi, tra cứu, khai thác thông tin qua mạng. Thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan UBND huyện.

Phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử của huyện (nghiadan.vn), từng bước khẳng định là một kênh hữu ích, cung cấp nhanh chóng các thông tin, những hoạt động diễn ra trên địa bàn, là công cụ đắc lực tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, thực sự góp phần vào tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện nhà.

Đối với lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm. Việc ứng dụng công nghệ cao luôn được chú trọng, trong đó, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở y tế được quan tâm đầu tư về trang thiết bị và kỹ thuật khám, chữa bệnh như máy siêu âm màu 3D, máy điện não, hệ thống nội soi phẫu thuật....

Trong năm qua, trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có các cơ sở sản xuất, kinh doanh sau đây đã ứng dụng khoa học- công nghệ, công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, phục vụ mục tiêu sản xuất sạch: Các mô hình tổng hợp kết hợp chăn nuôi - trồng trọt, mô hình vườn - ao - chuồng có xu hướng ngày càng phát triển nhờ tận dụng sản phẩm của nhau để giảm chi phí đầu tư cũng như giảm thiểu tác động xấu tới môi trường sinh thái. Phế phụ phẩm trong chăn nuôi được sử dụng làm phân bón cho cây trồng hoặc thức ăn cho cá; hệ thống ao, hồ sử dụng làm nước tưới cho cây trồng và điều hòa không khí, môi trường cho trang trại; sử dụng xử lý chất thải bằng hệ thống Biogas hoặc hệ thống xử lý AQUACLEAN.

Trong sản xuất một số sản phẩm trên các lĩnh vực như công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản cát, sỏi..., sản xuất vật liệu xây dựng, thi công công trình xây dựng như gạch ngói, tấp lô... đều đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ cao, tiên tiến trong đầu tiên máy móc, trang thiết bị hoạt động.

- Công tác nghiên cứu chương trình điều tra, đánh giá, bảo tồn khai tác và phát triển quỹ gen; nông hóa thổ nhưỡng; dinh dưỡng cây trồng; biến đổi khí hậu.

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng sản xuất và phát triển đối với chỉ dẫn địa lý Cam “Vinh”. 5 xã của huyện Nghĩa Đàn gồm các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Bình, Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu được dán tem cam Vinh theo quy chế của UBND tỉnh.

Tiến hành cấp giấy chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm, cấp tem nhãn truy xuất nguồn gốc cho các HTX và các hộ dân. Đồng thời xây dựng nhãn hiệu tập thể cho cây Bơ, Ôi trên địa bàn. Cây Ôi ở 2 xã Nghĩa Sơn và Nghĩa Lâm được Sở Khoa học – Công nghệ tỉnh phối hợp với HTX Dịch vụ Nông nghiệp 19/5 chính thức in và dán tem truy xuất điện tử nguồn gốc Ôi Lê Nghĩa Đàn từ tháng 12/2017. Bên cạnh đó, cây Ôi được cấp Giấy chứng nhận VietGap cho HTX dịch vụ nông nghiệp 19/5 huyện.

Hỗ trợ các xã, các cơ sở, hộ sản xuất quảng bá nông sản thông qua các sự kiện lớn như Ngày hội Hoa Hướng dương, Lễ hội Cam Vinh tổ chức lần thứ nhất vào tháng 12/2017. Phối hợp với các cơ quan báo chí, Trang thông tin điện tử của huyện tăng cường tuyên truyền về quá trình sản xuất, hình thức, chất lượng sản phẩm... Qua đó, giúp người tiêu dùng nắm bắt rõ hơn và từng bước cảm nhận, đánh giá tích cực về các mặt hàng nông sản, sản phẩm làng nghề của Nghĩa Đàn. Tiếp tục triển khai xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện như: mật mía,

đường phen, đường phèn, quýt, gà thả đồi .... và phát triển các thương hiệu đã được cấp chứng nhận: Mật mía làng Găng, xã Nghĩa Hưng.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyên giao tiến bộ KH và CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho đồng bào DTTS và các xã miền núi, đặc biệt là ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho đồng bào các vùng khó khăn tiếp cận thuận lợi các thành tựu, tiến bộ của KH-CN.

- Tạo chuyển biến tích cực về nhận thức về vai trò, vị trí KH&CN đối với đời sống sản xuất trong các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn thể nhân dân. Xác định được KH&CN là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Là động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đã xây dựng được một số sản phẩm hàng hóa đặc trưng có chất lượng cao, khối lượng lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt có một số sản phẩm đã được công nhận OCOP 3, 4 sao, từng bước xây dựng thành chuỗi giá trị sản phẩm.

- Quá trình nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên địa bàn luôn quan tâm gắn với công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, tập quán địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên tận dụng tối đa mọi nguồn lực cho phát triển KH&CN trong đó ưu tiên các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh cho các cơ sở sản xuất có ứng dụng tiến bộ KH&CN của đồng bào DTTS và ở các xã miền núi khó khăn. Tăng dần hỗ trợ kinh phí từ ngân sách huyện cho công tác chuyển giao kỹ thuật, xây dựng thương hiệu...

### **2. Các hạn chế, yếu kém:**

- Công tác phổ biến các chỉ thị, chính sách, Nghị quyết của Đảng về phát triển KH&CN đến đồng bào tại một số địa phương, đơn vị đang còn chậm và chưa thực sự đạt hiệu quả theo yêu cầu; nội dung báo cáo, đánh giá đang còn chung chung. Chưa phát hiện nhiều những nhân tố điển hình, tiên tiến trong ứng dụng KH&CN.

- Cán bộ làm công tác KH&CN tại các xã chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên việc tham mưu các nội dung phát triển KH&CN chưa thực sự hiệu quả;

- Nội dung kinh phí nhà nước hỗ trợ đang còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các nội dung tuyên truyền, hội nghị, hội thảo và ứng dụng một số mô hình nhỏ. Chưa có đề tài, dự án lớn nào thực sự được đầu tư để tạo đột phá cho hoạt động KH&CN trên địa bàn;

- Việc tham gia vào nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiên bộ KH&CN của cán bộ, đảng viên và trong toàn dân chưa thực sự được chú trọng, nhất là đội ngũ doanh nghiệp trên địa bàn;

### **4.3. Nguyên nhân:**

#### **\* Nguyên nhân chủ quan:**

- Cán bộ phụ trách lĩnh vực KH&CN cấp xã chưa đầu tư đúng mức về thời gian, về tập trung trí tuệ và tâm huyết cho các hoạt động ứng dụng KH&CN;

- Công tác phối hợp giữa các phòng, ban, ngành chưa thật sự hiệu quả nên việc đề xuất mô hình, đề tài, dự án thực hiện hằng năm có chất lượng chưa cao, chưa đi sát nhu cầu thực tế và đánh giá được hiệu quả nên khó đề xuất được đưa vào danh mục đề tài, dự án cấp tỉnh.

- Trình độ dân trí của một số vùng đồng bào DTTS và miền núi đang còn thấp, tư tưởng trông chờ chính sách Nhà nước trong lĩnh vực chuyển giao và ứng dụng KH&CN của chính người sản xuất còn rất lớn. Do vậy, chưa chủ động được việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống.

#### **\* Nguyên nhân khách quan:**

- Các mô hình sản xuất trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đa số còn nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu phát triển dựa trên kinh nghiệm nên ứng dụng khoa học công nghệ trở nên hạn chế.

- Ngân sách Nhà nước đầu tư cho KH&CN đang còn ít, nhỏ lẻ nhất là ngân sách nhân rộng các mô hình mà có hiệu quả.

- Nghĩa Đàn là địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết cực đoan như mưa đá, giông, lốc, lũ lụt, hạn hán...trong khi hệ thống hạ tầng giao thông xuống cấp nên công tác triển khai ứng dụng KH&CN gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình dịch bệnh trong cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng diễn biến phức tạp nên việc đầu tư lớn vào sản xuất có thể mang lại rủi ro cao nên người dân, doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm tương đối khó khăn, không ổn định. Tình trạng được mùa rớt giá thường xảy ra dẫn đến tâm lý ngại đầu tư sản xuất của người dân và doanh nghiệp.

### **D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao trong nhân dân, doanh nghiệp đặc biệt tại xã xa trung tâm của huyện.

- Đề nghị các sở, ban ngành cấp tỉnh hỗ trợ địa phương chuyển giao các quy trình kỹ thuật, phổ biến cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ địa phương và người dân theo nhiều hình thức khác nhau để cán bộ và người dân có thể triển khai được trong thực



tiến sản xuất, các quy trình công nghệ được biên soạn thành các tài liệu tập huấn, các chuyên đề nông nghiệp, sổ tay kinh nghiệm thuộc từng lĩnh vực để cán bộ phụ trách và nhân dân đọc, tham khảo, phổ biến và áp dụng vào sản xuất được thuận tiện, hiệu quả. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho địa phương trong việc trao đổi, hợp tác với các địa phương khác trong cả nước trong vấn đề nghiên cứu và ứng dụng KH&CN, để từng bước hình thành hoặc tiếp nhận và làm chủ được một số công nghệ mới vào sản xuất, phù hợp với điều kiện địa phương. Đặc biệt là công tác kết nối, thỏa thuận liên kết với các trường Đại học, các viện nghiên cứu về công nghệ sinh học trong nước và quốc tế.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Nghĩa Đàn về việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn giai đoạn 2016 đến nay./.

**Nơi nhận:**

- Ban Dân tộc HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công Nghệ (b/c);
- TT Huyện ủy; (b/c)
- TT HĐND huyện; (b/c)
- Chủ tịch UBND huyện; (b/c)
- Các PCT UBND huyện;
- Các phòng: KT&HT, Dân tộc, NN&PTNT;
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Bình**